

BÁO CÁO

Kết quả triển khai Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Thực hiện Công văn số 709/UBND-KTTH ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc triển khai Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Công văn số 372/BDT-CSDT ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Ban Dân tộc tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Sau khi chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei báo cáo đề xuất nhu cầu điều chỉnh dự toán Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn theo Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2022: Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo.

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2023: Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo.

3. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2024: Không có nhu cầu điều chỉnh.

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei báo cáo Ban Dân tộc tỉnh biết, tổng hợp./.

Nơi nhận :

- Ban Dân tộc tỉnh (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (t/d);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Y Thanh

PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei)

DVT: Triệu đồng.

ST T	Dự án	Phân bổ tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của HĐND tỉnh		Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022		Tăng/giảm		Ghi chú
		Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
I	PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐNDDTS&MN	48,660	14,632		12,597	-544.586	-1,073	ĐC giảm
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	4,745	988		269	(462.645)	-719	ĐC giảm
1	Hỗ trợ đất ở							
2	Hỗ trợ nhà ở							
3	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề		719				-719	
4	Hỗ trợ nước sinh hoạt	4,745	269		269	(462.645)		
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	14,190						
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		9,651		8,661			
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		5,771		5,771			
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		3,880		2,890			
a)	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.		2,890		2,890			
b)	Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.		990					
c)	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.							
3	Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	22,582	1,129		1,129	(81.941)		ĐC giảm

ST T	Dự án	Phân bổ tại Nghị quyết số 25/NQ- HĐND ngày 23/6/2022 của HĐND tỉnh		Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022		Tăng/giảm		Ghi chú
		Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	22,582	1,129		1,129	(81.941)		
a)	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.		1,129		1,129			
b)	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.							
2	Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc							
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	5,199	1,875		1,677		(225.80)	ĐC giảm
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	5,199	106		106			
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		198				-198	
a)	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc							
b)	Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học		198		198			
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi		1,400		1,400			
4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp		171		171		-27.8	
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	1,315	147		147			
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em							
VII I	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em		444		444			

ST T	Dự án	Phân bổ tại Nghị quyết số 25/NQ- HĐND ngày 23/6/2022 của HĐND tỉnh		Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022		Tăng/giảm		Ghi chú
		Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn		89		89			
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù							
2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		89		89			
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	629	309		181		-128.5	ĐC giám
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền; truyền thông		206		77.50		-128.5	
a)	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín		206		77.50		-128.5	
b)	Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số						-	
c)	Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						-	
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	629	38		38		-	
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình		65		65		-	

PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei)

DVT: Triệu đồng.

STT	Dự án	Phân bổ tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh			Phân bổ tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND tỉnh			Điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương năm 2023			Tăng/giảm			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	
I	PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐNDDTS&MN	95,422.00	65,226.00	30,196.00						4,289.00	(1,278.78)	(18.44)	(1,260.33)	ĐC giảm
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	9,644.00	5,355.00	4,289.00				9,644.00	5,355.00	4,289.00	(211.89)	-	(211.89)	ĐC giảm
1	Hỗ trợ đất ở	-	-	-				-	-	-	-	-	-	
2	Hỗ trợ nhà ở	1,197.00	1,197.00					1,197.00	1,197.00		-	-	-	
3	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề	4,299.00	758.00	3,541.00				4,299.00	758.00	3,541.00	-	-	-	
4	Hỗ trợ nước sinh hoạt	4,148.00	3,400.00	748.00				3,936.11	3,400.00	536.11	(211.89)	-	(211.89)	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	19,023.00	19,023.00					19,023.00	19,023.00		-	-	-	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	16,674.00	-	16,674.00				16,674.00	-	16,674.00	-	-	-	
1	Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	6,000.00		6,000.00	4,416.00			6,000.00		6,000.00	-	-	-	
2	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10,674.00	-	10,674.00				10,674.00	-	10,674.00	-	-	-	
a)	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.	7,963.00		7,963.00				7,963.00		7,963.00	-	-	-	
b)	Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.	2,711.00		2,711.00				2,711.00		2,711.00	-	-	-	
c)	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	-						-			-	-	-	
3	Tiêu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-						-			-	-	-	
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	33,350.00	30,294.00	3,056.00				33,350.00	30,294.00	3,056.00	(17.07)	(17.07)	-	ĐC giảm

STT	Dự án	Phân bổ tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh			Phân bổ tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND tỉnh			Điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương năm 2023			Tăng/giảm			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	
1	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	33,350.00	30,294.00	3,056.00				33,332.94	30,276.94	3,056.00	(17.07)	(17.07)		
a)	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.	32,744.00	29,688.00	3,056.00				32,744.00	29,688.00	3,056.00	-	-	-	
b)	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	606.00	606.00					606.00	606.00		-	-	-	
2	Tiêu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc	-						-			-	-	-	
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	10,001.00	6,969.00	3,032.00				10,001.00	6,969.00	3,032.00	(403.87)	(1.38)	(402.49)	ĐC giảm
1	Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	7,254.00	6,969.00	285.00				7,254.00	6,969.00	285.00	(1.38)	(1.38)	-	
2	Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-	-	-				-	-	-	-	-	-	
a)	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	-						-			-	-	-	
b)	Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học	-						-			-	-	-	
3	Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	2,224.00		2,224.00				2,224.00		2,224.00	-	-	-	
4	Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	523.00		523.00				120.51		120.51	(402.49)	-	(402.49)	
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	2,994.00	2,457.00	537.00				2,994.00	2,457.00	537.00	-	-	-	
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	-						-			-	-	-	
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1,198.00		1,198.00				1,198.00		1,198.00	-	-	-	

STT	Dự án	Phân bổ tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh			Phân bổ tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND tỉnh			Điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương năm 2023			Tăng/giảm			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	271.00	-	271.00				271.00	-	271.00	(51.48)	-	(51.48)	ĐC giảm
1	Tiêu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	-						-			-	-	-	
2	Tiêu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	271.00		271.00				219.52		219.52	(51.48)	-	(51.48)	
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	2,267.00	1,128.00	1,139.00				1,672.52	1,128.00	544.52	(594.48)	-	(594.48)	ĐC giảm
1	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền; truyền thông	809.00	-	809.00				341.50	-	341.50	(467.50)	-	(467.50)	
a)	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín	659.00		659.00				191.50		191.50	(467.50)	-	(467.50)	
b)	Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số	150.00		150.00				150.00		150.00	-	-	-	
c)	Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-						-			-	-	-	
2	Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1,233.00	1,128.00	105.00				1,233.00	1,128.00	105.00	-	-	-	
3	Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	225.00		225.00				98.02		98.02	(126.98)	-	(126.98)	